TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 82 /2018/DS-PT Ngày: 08/11 /2018. *V/v:"Yêu cầu BTTH về tài sản"*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn và ông Trần Quốc Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018, về việc " Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2018. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q. Sinh năm: 1977. Có mặt

Trú tại: Xóm Quỳnh 1, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị Th. Sinh năm: 1977 . Có mặt.

Trú tại: Xóm Quỳnh 2, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Bá Chiến. Sinh năm: 1966. Có mặt.

Trú tại: Xóm Quỳnh 2, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Nguyễn Thị S sinh năm: 1961và Ông Lê Văn H. Sinh năm: 1963. Vắng mặt

Cùng trú tại: Xóm Quỳnh 1, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Hồ Bá M sinh năm1975. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm Quỳnh 2, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày: Vào năm 2006, bà đã phát rừng và trồng keo trên thửa đất đã được Nhà nước giao sử dụng đất cho gia đình bà. Đến năm 2007, qua việc xác định lại ranh giới giữa các hộ gia đình của Ban địa chính xã C thì một số keo bà trồng nằm trên phần đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị S - ông Lê Văn H, thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 02. Giữa bà Q và gia đình bà S - ông H đã thỏa thuận việc bồi thường do việc trồng nhầm và bà Q đã thanh toán cho gia đình bà S số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và được thu hoạch keo. Vào tháng 11 năm 2013, bà Nguyễn Thị Q đã bán toàn bộ số keo trồng năm 2006 cho anh Nguyễn Công V với tổng số tiền là 270.000.000đ. Tuy nhiên, anh V tiến hành khai thác thì ngày 15/11/2013, bà Đoàn Thị Th (bị đơn) đã thuê người vào cắt số lượng keo mà bà Q trồng nhầm lên đất gia đình bà S. Bà Th đã chở về 06 xe công nông cây keo và tại hiện trường đang còn một số cây đang đứng và một số cây đã cắt nhưng chưa vận chuyển. Do khai thác không như thỏa thuận ban đầu nên khi thanh toán, anh V đã trừ của bà số tiền là 60.000.000đ. Theo tính toán, thì bà Th đã cắt cả những cây keo mà bà Q đã trừ lại có trị giá là 5.000.000đ. Vì vậy, bà Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu buộc bà Đoàn Thị Th phải bồi thường cho bà Q số tiền là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Đoàn Thị Th phải bồi thường số tiền bị thiệt hại là 60.000.000đ và lãi suất tính từ tháng 11/2013 đến tháng 3/2018 với tỷ lệ 1%/tháng với tổng số tiền lãi là 31.200.000đ. Tổng cộng, bà Q yêu cầu bà Th phải bồi thường số tiền 91.200.000đ (Chín mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra, bà Q đề nghị để 19 cây đang sống trên đất của bà S - ông H cho bà Th có quyền khai thác, sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Đoàn Thị Th trình bày: Gia đình bà đã được Nhà nước bàn giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004. Sau đó thì gia đình bà đã tiến hành trồng keo trên thửa đất này. Và thửa đất của gia đình bà Th nằm cạnh thửa đất của gia đình bà S chứ không nằm liền kề thửa đất của gia đình bà Q. Tuy nhiên, vào năm 2013, khi gia đình bà đang tiến hành khai thác keo thì bà Nguyễn Thị Q đã ngăn cản và cho rằng đã khai thác sang phần keo trồng trên thửa đất của bà S. Theo bà khẳng định, số lượng keo mà gia đình bà khai thác vào năm 2013 là số keo do gia đình trồng trên thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà nên bà không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Nguyễn Thị Q.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá Chiến (chồng bà Th) đồng ý với các ý kiến của bà Đoàn Thị Th và trình bày : Hợp đồng mua bán cây keo lập giữa bà Q và anh Nguyễn Công V có dấu hiệu gian dối. Vì khi bà Q bán cây keo cho anh V thì không thông báo cho các hộ có quyền sử dụng đất liền kề để xác nhận ranh giới giữa các thửa đất. Vì vậy, ông Chiến đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào năm 2006, bà Nguyễn Thị Q trong quá trình trồng cây keo nguyên liệu thì đã trồng lấn sang phần diện tích đất lâm nghiệp đã được cấp có thẩm quyền cấp quyền sử dụng cho gia đình bà S. Sau đó, giữa bà Q và gia đình bà S đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết việc này, bà Q đã bồi thường cho gia đình bà S số tiền 13.000.000đ. Đến năm 2013, bà Đoàn Thị Th đã tổ chức khai thác số cây keo mà bà Q đã trồng vào năm 2006 trên đất của gia đình bà S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị S không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét, thẩm định lập ngày 02/4/2015 xác định: Số lượng cây keo xảy ra tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Q và bà Đoàn Thị Th được trồng trên thửa đất có diện tích 3.268m^2, phía Bắc giáp đất bà Đoàn Thị Th và các phía Nam - Đông và Tây giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị S, nằm toàn bộ trong thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2 tại xóm Quỳnh 1, xã C được cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà

Nguyễn Thị S. Trên diện tích đất này hiện đang có 33 cây keo đã cắt, đường kính bình quân 25cm và 41 cây keo chưa cắt, đường kính bình quân 30cm.

Tại Biên bản định giá tài sản lập ngày 02/4/2015 xác định: Toàn bộ 74 cây keo có tổng trị giá là 18.500.000đ (Mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng), với trị giá mỗi cây là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Tại Biên bản xem xét, thẩm định lập ngày 27/12/2017 xác định: Trên khu đất 3.268m^2 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 02 của gia đình bà Nguyễn Thị S hiện chỉ còn có 19 cây keo có đường kính trung bình 35cm và đây là những cây keo bà Quyết trồng từ thời gian năm 2006. Theo biên bản định giá tài sản lập cùng ngày thì 19 cây keo này có tổng trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Qùy Châu đã ban hành văn bản gửi Phòng tài chính - kế hoạch UBND huyện Quỳ Châu trưng cầu trị giá đối với số lượng cây keo mà bà Đoàn Thị Th đã cắt, vận chuyển đi vào tháng 11/2013 trên thửa đất có diện tích 3.268m^2. Tại Công văn số 26/CV-TCKH ngày 22/02/2018 của Phòng tài chính - kế hoạch UBND huyện Quỳ Châu xác định, số lượng cây keo mà bà Th đã cắt, vận chuyển trên diện tích đất 3.268m^2 tại thời điểm tháng 11/2013 có trị giá là 17.389.358đ (Mười bảy triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng)

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

- Căn cứ khoản 6 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điều 147; khoản 2 điều 227 BLTTDS.

- Căn cứ điều 584; 585 và điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

1. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q. Buộc bà Đoàn Thị Th phải bồi thường cho bà Q với tổng số tiền 38.971.358đ (Ba mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04 tháng 3 năm 2018 bà Đoàn Thị Th có Đơn kháng cáo, với nội dung: Việc khởi kiện của bà Q không đúng sự thật đề nghị bà Q phải chứng minh số cây bán cho anh V, phải có văn bản giao ranh giới. Bà Q trồng nhầm trên đất bà S cần có văn bản giao ranh giới. Việc Tòa án giải quyết tranh chấp không cho gia đình bà cộng tác để chứng minh, gia đình đưa người làm chứng đến nhưng Tòa án không cho. Đề nghị bà Q cung cấp các thủ tục bán keo, nếu không có bà Q phải chịu trách nhiệm bồi thường công sức cho gia đình bà từ 30.000.000đ trở lên và bồi thường danh dự theo quy định.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 bà Nguyễn Thị Q có Đơn kháng cáo, với nội dung: Tòa án xử chưa đúng, chưa xem xét số cây bà Th đã chặt chở về là 6 xe công nông , khoản 4 khối/xe x 2.000.000đ/ khối x6= 48.000.000đ, số keo chưa chở 33 cây=22.110.000đ, số cây bị bà Th bóc vỏ làm gió đổ chết 22 cây=15.400.000đ đề nghị Tòa án xem xét lại cũng như lãi suất 1%/tháng.

Ngày 20/4/2018 VKSND tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm (QĐ số 791/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/4/2018) với nội dung:

TAND huyện Quỳ Châu xét xử vụ án có vi phạm như sau:

- Điều tra xác minh chưa đầy đủ: Năm 2006 quan hệ vợ chồng giữa bà Q, ông Minh còn tồn tại (năm 2017 mới ly hôn) khi giải quyết vụ tranh chấp này nên không đưa ông Minh tham gia tố tụng là vi phạm. Số keo tranh chấp ông Chiến và bà Th cùng khai thác nhưng chỉ buộc bà Th bồi thường là chưa chính xác.

Hội đồng định giá không đúng quy định (thiếu cơ quan chuyên môn liên quan đến cây rừng). Định giá nhiều lần, các lần chênh lệch nhưng không rõ lý do.

Xác định thiệt hại là số keo bị chặt nhưng tính lãi suất là không đúng quy định tại điều 608 BLDS.

Quyết định của Bản án không chính xác tại biên bản thẩm định còn 19 cây keo tại hiện trường nhưng giao cho bà Q quyền sở hữu chỉ 15 cây. Vụ án xảy ra rừ năm 2011 nhưng Tòa án áp dụng Luật Dân sự năm 2015 là vi phạm. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để khắc phục vi phạm trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/9/2018 bà Q có Đơn yêu cầu định giá lại . Ngày 16/10/2018 Hội đồng xem xét thẩm định có nội dung: Tại hiện trường chỉ còn 10 cây keo đang sống và 21 cây đứng đã chết khô và bị đẽo vỏ. Kết quả định giá: Số lượng cây đã cắt, vận chuyển đi trên diện tích 3268m^2 là 56.600.000đ, 10 cây đang sống giá 1.050.000đ, cây đã chết, đã mục không định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Bà Q giữ nguyên yêu cầu khởi liện, yêu cầu kháng cáo, bà Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, VKSND tỉnh Nghệ An giữ nguyên Quyết định kháng nghị, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì

thêm. Bà Q đề nghị: buộc bà Th bồi thường tổng cộng 105.629.000đ gồm thiệt hại về số cây đã khai thác, lãi suất 1%/tháng, tiền cây bị mục và chi Thắm bóc vỏ làm chết.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nạp đơn, nạp tiền tạm ứng trong hạn nên chấp nhận. Về nội dung: Một số vi phạm đã được cấp phúc thẩm khắc phục, vi phạm không ảnh hưởng đến quyền lợi đương sự nên đề nghị sửa án sơ thẩm, đề nghị buộc chị Thắm bồi thường cho chị Quyết 56.600.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí bà Th, bà Q nạp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q.

Bà Q kháng cáo đề nghị buộc bà Th bồi thường thiệt hại về tài sản là số cây keo bà Th vận chuyển đi bán là 6 xe công nông, theo bà Th khai là bà thuê người khai thác, họ thuê người vận chuyển nên không biết được ai chở và bao nhiêu xe. Xét thấy cấp sơ thẩm đã tính toán và định giá trên cơ sở diện tích trồng, mật độ cây, tỷ lệ hao hụt để tính bình quân theo mức trung bình để chấp nhận số lượng gỗ mà bà Th đã khai thác là có cơ sở, khoa học, khách quan và đã định giá 56.600.000đ là đúng, đảm bảo quyền lợi cho bà. Về số keo chặt rồi nhưng không vận chuyển, cũng như số cây theo bà Q khai do bị bà Th bóc vỏ nên chết và bảo đổ nhưng không có cơ sở chứng minh. Thiệt hại do cây bị bóc vỏ, bị chết khô cũng như thiệt hại do cây để lâu mục nát là lỗi do khách quan nên không thể buộc bà Th bồi thường. Về việc tính lãi: Cấp sơ thẩm tính lãi phát sinh từ thiệt hại về tài sản được tính giá trị tại thời điểm xét xử nên việc tính lãi trên giá trị thiệt hại là không đúng nên không chấp nhận việc tính lãi như bà Q yêu cầu. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Q.

2.2. Xét kháng cáo của bà Th đề nghị xác định rõ số cây trồng trên đất của ai, Xét thấy: Căn cứ vào kết quả các lần thẩm định, biên bản họp các hộ liền kề có đủ cơ sở diện tích keo bà Th đã khai thác 3.268m^2 là nằm trong thửa số 60, tờ bản đồ số 2 được cấp Giấy CNQSD Đ cho hộ gia đình bà S. Số cây này được bà S thừa nhận là do bà Q trồng nhầm và được bà S thỏa thuận để bà Q được khai thác. Bà Th đã thu hoạch vì vậy phải bồi thường thiệt hại cho bà Q là đúng pháp luật. Bà Th

yêu cầu xem xét các hợp đồng khai thác gỗ giữa bà Q với anh V, hợp đồng thỏa thuận giữa bà S với bà Q là không cần thiết vì không liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản trong vụ án này. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Th.

2.3- Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An.

Về tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm không đưa ông M (chồng bà Q) tham gia tố tụng cũng như không buộc ông C (chồng bà Th) bồi thường là thiếu sót. Cấp sơ thẩm đã lấy lời khai ông M nhưng chỉ đề cập giải quyết số tiền đã bán cây mà không đề cập số tiền nếu thắng kiện với bà Th là thiếu sót, hiện nay anh M đang vắng mặt tại địa phương nên không thể biết được anh M yêu cầu hay không vì vậy cần tách yêu cầu của anh M thành vụ án riêng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa. Thông báo cho ông Minh có quyền khởi kiện độc lập với bà Q nếu ông có yêu cầu.

Về điều luật áp dụng cấp sơ thẩm áp dụng sai thời điểm, không buộc ông Chiến bồi thường, tổng số cây còn lại giao cho bà Q là có sai số, những vi phạm đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và cấp phúc thẩm cần bổ sung, khắc phục để sửa Bản án sơ thẩm mà ảnh hưởng nội dung vụ án, quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự. Về tính lãi trên số tiền thiệt hại như đã phân tích ở phần kháng cáo của bà Q cần chấp nhận đề nghị như Bản kháng nghị không chấp nhận tính lãi mà chỉ chấp nhận tính giá trị thiệt hại đã được tính toán, định giá là 56.600.000đ.

Vì vậy cần sửa Bản án sơ thẩm về số tiền phải bồi thường cũng như án phí phải chịu cho phù hợp.

Trên cơ sở lập luận trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo bà Th, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Q và một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận cho nên bà Th phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Q không phải chịu. Án phí sơ thẩm các bên phải chịu theo phần phải bồi thường và phần bị bác yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Th. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung. Sửa Bản án sơ thẩm về mức bồi thường và án phí.

- Căn cứ khoản 6 điều 26; điều 147; điều 148; khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 604; 605 và điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH13 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q:

- Buộc bà Đoàn Thị Th và ông Nguyễn Bá C phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 56.600.000đ (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Q được quyền sở hữu 10 cây keo đang sống trên đất bà S với tổng trị giá 1.050.000đ (Một triệu năm mươi ngàn đồng) theo Biên bản xem xét, thẩm định và Biên bản định giá lập cùng ngày 16/10/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Đoàn Thị Th và anh Nguyễn Bá C phải chịu 2.830.000đ. (Hai triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Q phải chịu 2.450.000đ (Hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) (phần không được chấp nhận). Được khấu trừ vào số tiền 1.600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003853 ngày 10/02/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quỳ Châu. Bà Q còn phải nộp tiếp số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc bà Đoàn Thị Th phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000692 ngày 16/4/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quỳ Châu.

- Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu. Hoàn trả cho bà Q số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000720 ngày 06/4/2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quỳ Châu.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp thi hành án chủ động) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền phải thi hành phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/11/2018)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳ Châu;
- Chi Cục THADS h. Quỳ Châu.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hà